

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST/
Ngày: 17/05/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Nhạn

2. Bà Hà Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023; Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Lê H C, sinh năm 1980,

Địa chỉ: Phố TH, phường ĐT, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

*** Bị đơn:** Anh Trần X Đ, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu X, thị trấn SL, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Hùng C trình bày: Do mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 06/7/2015, anh Trần Xuân Đ có vay anh C số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để lo công việc riêng, hẹn ngày trả hết nợ là ngày 06/12/2015. Tuy nhiên đến hạn trả nợ mà anh Đ vẫn không trả nợ mà khất nợ nhiều lần. Ngày 07/6/2019, anh Đ có viết giấy cam kết trả nợ hàng tháng sẽ trả cho anh C số tiền 2.000.000đ đồng cho đến khi hết số nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nhưng anh Đ vẫn không thực hiện theo cam kết mà vẫn không trả tiền cho anh C. Nay thời gian vay đã quá lâu nên anh C đề nghị Tòa án huyện Quan Sơn buộc anh Đ phải trả số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu về tiền lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 21/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Xuân Đ trình bày: Cuối năm 2014, anh quen biết với Lê Hùng C và nhận làm anh em kết nghĩa. Anh C có điều kiện kinh tế nên giao tiền cho anh Đ làm tín dụng cho vay lãi ngoài đến kỳ thu gốc và lãi cho C. Sau mấy tháng làm cho C thì còn tồn lại số tiền 30.000.000đồng của khách nợ khó đòi. Anh đã trả cho C 2.000.000đồng/ tháng, trong 4 tháng là được 8.000.000đ. Sau đó anh Đ viết giấy bảo lãnh cho C lĩnh lương hưu của mình trong 06 tháng x 1.900.000đ là 11.400.000đồng. Anh Đ có trả hộ tiền đánh lô của C với chú K là 1.200.000đồng. Tổng cộng tôi đã trả cho C: 21.600.000đồng. Đến năm 2019, anh Đ có trả thêm cho C số tiền 7.000.000đồng trong 06 tháng. Như vậy anh Đ đã trả cho C tổng số tiền là 27.600.000đồng. giờ chỉ còn nợ lại 2.400.000đồng thôi.

Ngày 05/4/2023, anh Đ có đơn đề nghị thu thập tài liệu chứng cứ. Tòa án đã có công văn số 85/TAQS ngày 05/4/2023 đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, cung cấp chứng cứ trong vụ án dân sự. Ngày 17/4/2023, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa cung cấp các chứng từ giao dịch chuyển khoản của anh Đ vào số tài khoản của anh Lê Hùng C vào các ngày 08/7/2019, 7/8/2019, 17/9/2019, 15/10/2019, 22/11/2019 và 19/12/2019 với tổng số tiền 7.000.000đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 229 BLTTDS. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Anh C yêu cầu anh Đ phải trả số tiền đã nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hùng C. Buộc anh Trần Xuân Đ phải trả nợ số tiền 23.000.000đ. Về án phí: buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Lê Hùng C và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là anh Trần Xuân Đ, cư trú tại Khu X, thị trấn SL, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn theo quy định tại

khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 229 BLTTDS.

[2] Tại đơn khởi kiện, anh Lê Hùng C yêu cầu anh Trần Xuân Đ phải trả nợ số tiền vay là 30.000.000đồng. Xét Giấy vay tiền ngày 06/7/2015 và Giấy cam kết trả nợ ngày 07/6/2019 do anh C xuất trình thấy rằng: Trong giấy vay tiền ngày 06/7/2015 đã ghi rõ người vay là Trần Xuân Đ, người cho vay là Lê Hùng C như vậy hợp đồng vay tiền giữa anh C và anh Đ đã được xác lập bằng văn bản. Hai bên đều là người có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc ký kết hợp đồng là do các bên thỏa thuận. Trong quá trình tham gia tố tụng, hòa giải, anh Đ không có khiếu nại về chữ ký của mình trong giấy vay tiền và giấy cam kết trả nợ nên giấy vay tiền ngày 06/7/2015 là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3] Xét lời trình bày của anh Trần Xuân Đ thấy rằng: anh Đ thừa nhận có vay của anh C số tiền 30.000.000đồng từ năm 2015 nhưng đến ngày 07/6/2019 thì anh Đ xác nhận vẫn còn nợ lại anh Cường là 30.000.000đồng và cam kết hàng tháng trả 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Anh Đ cung cấp cho Tòa án danh sách chi trả tiền lương hưu từ tháng 06/2015 đến tháng 11/2015, đây là trước ngày 07/6/2019 nên không có cơ sở chấp nhận. Anh Đ trình bày đã trả số tiền 8.000.000đồng và 1.200.000đồng tiền đánh lô cho anh C nhưng anh Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh được việc giao nhận tiền giữa anh và anh C do đó lời khai nại của anh Đ là không có căn cứ để xem xét.

Các giấy nộp tiền ngày 08/7/2019, 7/8/2019, 17/9/2019, 15/10/2019, 22/11/2019 và 19/12/2019 tổng số tiền là 7.000.000đ vào số tài khoản của anh C do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa cung cấp là đã thu tiền nên HĐXX có cơ sở chấp nhận

Từ những phân tích trên, xét thấy: anh Đ có vay của anh C số tiền 30.000.000đồng, tuy nhiên anh Đ đã trả số tiền 7.000.000đồng vào số tài khoản của anh C. Như vậy, anh C yêu cầu anh Đ trả số tiền vay gốc là 30.000.000đ (theo giấy vay tiền ngày 06/7/2015 và giấy cam kết trả nợ ngày 07/6/2019) trừ đi 7.000.000đ anh Đ đã chuyển khoản còn lại số tiền 23.000.000đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn là anh Trần Xuân Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ vào các Điều 275; 280; 357; 463, 466 và 468 BLDS năm 2015;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Lê Hùng C.

Buộc anh Trần Xuân Đ phải trả cho anh Lê Hùng C số tiền là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Cường cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Định không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Anh Trần Xuân Đ phải chịu 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Lê Hùng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0013070 ngày 19/12//2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Đ; vắng mặt anh C. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bàn Hữu Văn